

NESCAFÉ[®] Cappuccino

CHUẨN GU CÀ PHÊ QUÁN
MOOD LÊN CHỜ CHI



NESCAFÉ CAPPUCCINO VI CARAMEL, HỘP 10 GÓI X 20 G
CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM, KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 2, P. LỘNG BÌNH, BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

SKY SHOP
jet café

Menu

**Ăn thật ngon
bay thật vui!**

Delicious food, great flight!



Vol 2 / 2020

2. 01 Bánh mỳ + Nước

01 Vietnamese Traditional Bread + Drink

01 ขนมปังเวียดนาม + เครื่องดื่ม

一份越南麵包 + 飲料

반미(베트남 전통 샌드위치)와 음료

ベトナムの伝統的なパン+ドリンク1セット

QN/DOM.: **60.000 VND**

QT/ITL.: **100.000 VND**

US\$ 5.00

3. Bánh mì Việt Nam (*)

Vietnamese traditional Bread

ขนมปังเวียดนาม

越南麵包

반미(베트남 -전통샌드위치)

ベトナムの伝統的なパン

QN/DOM.: **40.000 VND**

QT/ITL.: **60.000 VND**

US\$ 3.00



Hot combo

* Áp dụng với tất cả thức uống trong menu, ngoại trừ bia, rượu vang đỏ.

* Applies to all drinks on the menu, except for beer, red wine.

* ใช้ได้กับเครื่องดื่มทุกชนิดยกเว้นเบียร์,ไวน์แดง

* 可以選擇菜單上除了啤酒以外的飲料,紅酒。

* 음료는 맥주를 제외한 모든 음료를 선택하실 수 있습니다. 적포도주.

* ビール以外のメニューに載っている全てのドリンクが可能です, 赤ワイン.

Hot Meal | Suất ăn nóng

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price

QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price

1. 01 Suất ăn nóng + Nước

01 hot meal + drink

01 อาหารร้อน + เครื่องดื่ม

一份熱餐 + 飲料

따뜻한 기내식과 음료

ホットミール+ドリンク1セット

QN/DOM.: **75.000 VND**

QT/ITL.: **140.000 VND**

US\$ 7.00



New

4. Trứng luộc (*)

Boiled egg

ไข่ต้ม

水煮蛋

삶은 계란

ゆで玉子

QN/DOM.: **15.000 VND**

QT/ITL.: **20.000 VND**

US\$ 1,00



Hot Meal | Suất ăn nóng

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price

QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price

QN/DOM.: **55.000 VND**

QT/ITL.: **100.000 VND**

US\$ 5.00

5. Xôi bánh Khúc (*) chả chiên

Sticky rice with minced pork
wrapped in chrysanthemum
leaf and luncheon meat

ข้าวเหนียวห่อ
高菜扎肉糯米飯
돼지고기 참밥
菊の葉とランチョンミート
に包まれた豚ひき肉入りお餅



8. Cơm bò (*)

Beef Rice

ข้าวเนื้อวัว
牛肉飯
쇠고기밥
ビーフライス



6. Xôi mặn (*)

Steamed Sticky Rice

ข้าวเหนียวทรงเครื่อง
鹹香糯米飯
참쌀밥 짬
蒸したもち米



9. Miến xào tôm cua (*)

Crab & shrimp glass noodles

ก๋วยเตี๋ยวทอดเครื่อง
螃蟹炒粉條
게살 새우 볶음국수
カニ&エビのフライドヌードル



7. Cơm dừa Malaysia (*)

Nasi lemak

ข้าวเหนียวมะพร้าว

清真馬來椰漿飯

나시르막(말레이시아식 밥)

ナシ・ルマ



Hot Meal | Suất ăn nóng

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price

QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price

QN/DOM.: **55.000 VND**

QT/ITL.: **100.000 VND**

US\$ 5.00



10. Bún xào Singapore (*)

Singaporean noodles

ผัดหมี่สิงคโปร์

新加坡炒粉

싱가포르식 볶음국수

シンガポール風ヌードル



12. Bánh chưng chả bông (*)

Vietnamese steamed cake
with pork floss

ข้าวเหนียวจี่หมูฝอยสไตล์เวียดนาม

越式粽子

돼지고기를 곁들인 베트남식 찜 케이크

ベトナムの豚肉入り蒸しケーキ



11. Cơm chiên Thái (*)

Thai fried rice

ข้าวผัดรสเผ็ดสไตล์ไทย

泰國炒飯

태국식 볶음밥

タイ風チャーハン



13. Mỳ Ý (*)

Beef bolognese spaghetti

สปาเก็ตตี้ซอสเนื้อ

牛肉醬義大利麵

소고기 볼로네즈 스파게티

ビーフ・ボローニャ・スパゲッティ

IT'S YOUR BIRTHDAY

Chúc mừng sinh nhật bé

Tặng ngay

01 balo trẻ em cho bé từ 10 tuổi trở xuống có ngày sinh trùng ngày bay

Free 01 children's backpack for passengers under 10 years old flying on a birthday. Enjoy your birthday with Vietjet!

ผู้โดยสารอายุต่ำกว่า 10 ปี ได้รับฟรี 01 กระเป๋าเด็กเล็ก เมื่อเดินทางในวันเกิด เพลิตรเฟลินกับวันเกิดของคุณ ไปกับเวียดนามแอร์!

10歲以下的兒童於生日當天搭乘航班會獲贈一個兒童背包。與越捷航空一起歡度生日!

10세 이하의 어린이 승객이 생일에 비행하는 경우, 어린이용 백팩 가방 한 개를 무료로 선물해드립니다. 비엠텟과 함께 행복한 생일 보내세요!

お誕生日にご搭乗される10歳未満のお子様を対象に、お子様用バックパックを無料で差し上げます。ベトジェットエアの機内での誕生日をお楽しみください!



Hot combo

Instant Food | Món ăn liền

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price
QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price

NEW

14. Combo: Mỳ/ hủ tiếu+ Xúc xích

Thai style instant noodles/Nam Vang instant noodles+Pork Sausage

ก๋วยเตี๋ยวต้มยำกุ้งน้ำข้น/บะหมี่กึ่งสำเร็จรูป+ไส้กรอกหมู

泰式速食麵/南旺粉條+豬肉香腸

태국식 라면/베트남 남부식 쌀국수

+돼지고기 소시지

タイ風インスタントヌードル/ナンバンインスタントヌードル
+ポークソーセージ

QN/DOM.: **45.000 VND**

QT/ITL.: **70.000 VND**

US\$ 3.50

NEW

15. Combo: Mỳ/ hủ tiếu+ Trứng luộc

Thai style instant noodles/Nam Vang instant noodles+ Boiled egg

ก๋วยเตี๋ยวต้มยำกุ้งน้ำข้น/บะหมี่กึ่งสำเร็จรูป+ไข่ต้ม

泰式速食麵/南旺粉條+水煮蛋

태국식 라면/베트남 남부식 쌀국수+삶은 계란

タイ風インスタントヌードル/ナンバンインスタントヌードル
+ゆで玉子

QN/DOM.: **45.000 VND**

QT/ITL.: **70.000 VND**

US\$ 3,50

NEW

16. “Bữa ăn dinh dưỡng cho bé”:

Bánh quy + sữa tươi (180ml) + kẹo dẻo

Combo for kids : Oreo + Milk + Jelly candy

คุกกี้โอรีโอ + นมยูเอชที + ขนมนเจลลี่

奥利奥餅乾 + 牛奶 + 軟糖

오레오 비스킷 + 우유 + 젤리 캔디

オレオビスケット + ミルク
+ ゼリーキャンディー

QN/DOM.: **50.000 VND**

QT/ITL.: **80.000 VND**

US\$ 4.00



Instant Food

Món ăn liền

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price
QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price



New

17. Phở với thịt bò nguyên miếng (*)

Instant Pho with real beef

บะหมี่กึ่งสำเร็จรูป (เนื้อบด)

河粉

베트남식 쇠고기 쌀국수

インスタントフォー

QN/DOM.: **55.000 VND**

QT/ITL.: **80.000 VND**

US\$ 4.00



18. Xúc xích heo

Pork Sausage

ไส้กรอกหมู

豬肉香腸

돼지고기 소시지

ポークソーセージ

New

QN/DOM.: **15.000 VND**

QT/ITL.: **30.000 VND**

US\$ 1.50



19 20 21

QN/DOM.: **35.000 VND**

QT/ITL.: **55.000 VND**

US\$ 2.75

19. Mỳ Lẩu Thái (*)

Thai instant noodles

ก๋วยเตี๋ยวต้มยำกุ้งน้ำข้น

泰式速食麵

태국식 라면

タイ風インスタントヌードル



20. Cháo chay (*)

Vegetarian Congee

โจ๊กมังสวิรัติ

即時粥

야채 죽

ベジタリアンお粥



21. Hủ Tiếu (*)

Nam Vang instant noodles

(Southern Vietnam favourite)

บะหมี่กึ่งสำเร็จรูป (หมู)

南旺粉條

베트남 남부식 라면

インスタントフォーティウ

CHIN-SU®

NGON HẢO HẠNG

PHỞ BÒ

MỠ

THỊT BÒ
NGUYÊN MIẾNG
THỬ NGAY



Snack Attack | Bánh Kẹo

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price
QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price



22. **Bánh Toppo**
Toppo chocolate
ขนมท็อปปอ
牛肉醬義大利麵
トッポチョコレート

22 23
QN/DOM.: **20.000 VND**
QT/ITL.: **40.000 VND**
US\$ 2.00



23. **Hạt điều**
Cashew nut
เมล็ดมะม่วงหิมพานต์
腰果
캐슈너트
カシューナッツ

24 25
QN/DOM.: **15.000 VND**
QT/ITL.: **20.000 VND**
US\$ 1.00



24. **Bánh Oreo**
Oreo biscuit
คุกกี้โอรีโอ
奧利奧餅乾
오레오 비스킷
オレオビスケット



25. **Kẹo dẻo**
Jelly Candy
ขนมเจลลี่
軟糖
젤리 캔디
ゼリーキャンディー



26. **Sô cô la thanh**
Chocolate bar
ช็อกโกแลตแท่ง
巧克力
초콜릿 바
チョコレート・バー

26 27
QN/DOM.: **35.000 VND**
QT/ITL.: **55.000 VND**
US\$ 2.75



27. **Hạt macca**
Macadamia nut
ถั่วมะคาเดเมีย
澳洲堅果
마카다미아
マカダミアナッツ



28. **Mít sấy**
Dried Jackfruit
ขนุนอบแห้ง
波蘿蜜干
건조 훈향 과일
ドライジャックフルーツ

28 29
QN/DOM.: **50.000 VND**
QT/ITL.: **70.000 VND**
US\$ 3.50



29. **Xoài sấy dẻo**
Soft dried mango
มะม่วงอบแห้ง
乾芒果
건조 망고
ドライマンゴー

Soft Drink | Thức uống lạnh

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price
QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price

QN/DOM.: **25.000 VND**
QT/ITL.: **50.000 VND** US\$ 2.50



30. **Coca cola**
Coca Cola
โค้ก
可口可樂
코카콜라
コカ・コーラ



31. **Coca cola Zero**
Coca Cola Zero
โค้ก ซีโร่
零卡可口可樂
코카콜라 제로
コカ・コーラゼロ



32. **Sprite**
Sprite
สไปรท์
雪碧
스프라이트
スプライト



33. **Trà chanh sả**
Fuzetea Lemon
Lemongrass
ชามะนาวกลิ่นตะไคร้
雪碧
퓨즈티 (레몬 레몬그라스 맛)
스프라이트



34. **Nước cam Teppy**
Minute Maid Teppy
น้ำส้ม
美粒果橙汁
오렌지 주스
오렌지쥬스



35. **Trà hạt chia Đào**
Fuzetea Peach
ฟิวซ์ตี้ (ชาลูกพีช)
荔枝茶 (紅桃茶)
퓨즈티(복숭아과일)
フゼテア(ピーチティー)



36. **Nước suối**
Mineral water
น้ำเปล่า
礦泉水
생수
ドリンク・ウォーター



37. **Rượu vang đỏ (100ml) (**)**
Red Wine
ไวน์แดง
紅酒
적포도주
赤ワイン

QN/DOM.: **150.000 VND**
QT/ITL.: **170.000 VND**
US\$ 8.50

NEW

38. **Happy combo: Bia Sài Gòn Special + Khô gà**
Happy Combo: Saigon Special Beer
+ Spicy dried chicken with lemon leaf
เบียร์ + ไก่ทอดทรงเครื่องใส่ใบมะกรูด
啤酒 + 香辣鸡丝配柠檬叶
맥주 + 레몬잎 절들인
매콤한 말린 닭고기
ビール + レモンの葉を添えたスパイシー・ドライ・チキン
QN/DOM.: **65.000 VND**
QT/ITL.: **100.000 VND**
US\$ 5.00



39. **Bia Saigon Special (**)**
Beer
เบียร์
啤酒
맥주
ビール

40. **Khô gà lá chanh**
Spicy dried chicken with lemon leaf
ไก่ทอดทรงเครื่องใส่ใบมะกรูด
香辣鸡丝配柠檬叶
레몬잎 절들인
매콤한 말린 닭고기
스파이シー・ドライ・チキン
QN/DOM.: **30.000 VND**
QT/ITL.: **50.000 VND**
US\$ 2.50

Hot Drink | Thức uống nóng

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price

QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price

QN/DOM.: **25.000 VND**

QT/ITL.: **50.000 VND**

US\$ 2.50

41. NESCAFÉ 3 trong 1

NESCAFÉ 3in1
เนสกาแฟ 3 in 1
雀巢3合1即溶咖啡
ネスカフェ 3in1
ネスカフェ 3 in 1



42. NESCAFÉ CAFÉ VIET (đường/không đường)

NESCAFÉ CAFÉ VIET
(sugar/non-sugar)
เนสกาแฟ กาแฟเวียดนาม
越南雀巢咖啡
네스카페 베트남 커피
ネスカフェ カフェ ベトナム

NEW

43. NESCAFÉ Cappuccino

Nescafe Cappuccino
กาแฟคาปูชีโน
雀巢卡布其諾咖啡
네스카페 카푸치노
ネスカフェ・カプチーノ



44. Milo

Milo
ไมโล
雀巢美祿
초코맛 우유 (마일로)
ミロ



45. Sữa tươi (Có đường/ Không đường)

Milk (sugar/ non-sugar)
นม tươi 100% แบบกล่อง (สูตรหวาน/สูตรไม่หวาน)
牛奶 (糖/無糖)
우유 (가당 / 무가당)
ミルク (砂糖入り / ノンシュガー)



46. Sữa đậu nành

Soybean Milk
นมถั่วเหลือง
豆奶
두유
豆乳



47. Sữa trái cây Nutriboost (Dâu)

Minute Maid Nutriboost (Strawberry)
นมรสผลไม้ (สตรอเบอร์รี่)
美粒果奶 (草莓)
과일맛 우유 (딸기)
ミニメイドニュートリブースト(ストロベリー)



48. Trà sữa Nestea

Nestea Milktea
ชาเนสตี้ มิลค์
雀巢奶茶
네스티 밀크 티
ネスティアミルクティー



49. Trà Nhật Bản / Lipton

Japanese Tea / Lipton tea
ชาญี่ปุ่น
日式煎茶
일본 녹차
日本茶 / 紅茶

Pre-booked Meals

Dịch vụ đặt trước suất ăn



Đậu rang ngựa bánh Naan (*) Chickpea cooked with Naan

Món ăn chỉ phục vụ khi đặt trước
Only available when pre-booking

Enjoy Flying!

✓ Đảm bảo luôn có món ăn
như yêu cầu.
Guarantee requested meal

✓ Tiết kiệm đến 15%
Save up to 15%

✓ Nhiều lựa chọn hơn với thực đơn
món ăn phong phú và đa dạng.
Wide variety of meals

Đặt tại / Book now at:
www.vietjetair.com

Hãy để chúng tôi chuẩn bị bữa ăn cho bạn trên máy bay
bằng cách đặt trước suất ăn

It's our pleasure to serve you in-flight pre-booked meals

Giảm ngay đến
Save up to

15%





TẶNG QUÀ NGAY



"Tặng mừng quà tặng cho bé": Mua 01 bộ đồ trẻ em (quần/váy + áo phi công/ tiếp viên + nón phi công/tiếp viên) hoặc 01 bộ đồ bơi bé gái + nón đi biển bé gái tặng 01 móc khóa gấu/máy bay.

Buy 01 kid set (short/ skirt + polo shirt/kid's pilot shirt + kid's pilot cap/ kid's crew cap) or 01 kid summer set (swimsuit + kid's beach hat)
Get 01 free teddy bear keychain or airplane keychain.

เมื่อซื้อสินค้า ชุดเด็ก 01 ชุด (กางเกงขาสั้นหรือกระโปรง + เสื้อโปโลหรือเสื้อนักเรียน + หมวกนักเรียนหรือหมวกเครื่องบิน) หรือ ชุดเด็กซัมเมอร์ 01 ชุด (ชุดว่ายน้ำ + หมวกชายหาด) รับฟรี พวงกุญแจตุ๊กตารักหรือพวงกุญแจเครื่องบิน 01 ชิ้น

購買一組兒童服裝 (短褲/裙子 + polo衫/兒童機長服 + 兒童機長帽/兒童空服員帽) 或一套兒童夏日服裝 (泳衣 + 兒童海灘帽) · 可免費獲得一個泰迪熊或飛機款式鑰匙圈 ·

어린이 세트 (반바지/스커트 + 어린이 폴로 셔츠/어린이 조종사 셔츠 + 어린이 조종사 모자/어린이 승무원 모자) 혹은 어린이 여름 세트 (수영복 + 어린이 해변용 모자) 1개를 구매하시면, 테디베어 열쇠고리 혹은 비행기 열쇠고리 1개를 무료로 증정해드립니다.

キッズセット (ショートパンツ/スカート + キッズポロシャツ/キッズパイロットシャツ + キッズパイロットキャップ/キッズクルーキャップ) 1セット、またはキッズサマーセット (水着 + キッズビーチハット) 1セットをご購入したお客様に、ディベアキーチェーン、もしくは飛行機キーチェーンを1つ無料で差し上げます。

50. Áo sơ mi phi công trẻ em (Size 4, 8)

Kid's pilot shirt
เสื้อกันดินสำหรับเด็ก
兒童乘務T恤 (尺寸4-8)
어린이용 조종사 셔츠
お子様用機長シャツ

QN/DOM.: **160.000 VND**

QT/ITL.: **180.000 VND**
US\$ 9.00

51. Nón Calo

Kid's crew hat
หมวก
帽子
어린이용 승무원 모자
お子様用機長帽子

QN/DOM.: **60.000 VND**

QT/ITL.: **80.000 VND**
US\$ 4.00

52. Áo thun (Size 4 - 6 - 8)

Polo shirt
เสื้อโปโล
兒童T恤 (尺寸4-6-8)
어린이용 폴로셔츠(사이즈4-6-8)
ポロシャツ

QN/DOM.: **120.000 VND**

QT/ITL.: **140.000 VND**
US\$ 7.00

Special Offers Ưu Đãi Đặc Biệt

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price

QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price

53. Váy (Size 4 - 6 - 8)

Skirt
กระโปรง
兒童乘務裙子 (尺寸4-6-8)
어린이용 치마(사이즈4-6-8)
スカート

QN/DOM.: **120.000 VND**

QT/ITL.: **140.000 VND**
US\$ 7.00

55. Quần ngắn (Size 4 - 6 - 8)

Shorts
กางเกงขาสั้น
兒童乘務短褲 (尺寸4-6-8)
어린이용 반바지(사이즈4-6-8)
ショートパンツ

QN/DOM.: **100.000 VND**

QT/ITL.: **120.000 VND**
US\$ 6.00

54. Giày tiếp viên nhí (size 4-8)

Baby crew shoes
รองเท้าเด็ก
空服員專用鞋(兒童版)
아이용 승무원 구두
ベビー用クルー靴
あなたのお子様も今日からキャビンクルー!

QN/DOM.: **200.000 VND**

QT/ITL.: **220.000 VND**
US\$ 11.00



56. Ốp Điện Thoại (7plus, X)

Mobile Case
เคสโทรศัพท์ (7plus, X)
手機殼 (iPhone 7plus, X 專用)
휴대전화 케이스 (7 plus, X 용)
攜帶ケース (iPhone 7plus, X)

100.000 VND

QN/DOM.: **Only 80.000 VND**

QT/ITL.: **120.000 VND**
Only 100.000 VND
US\$ 6.00 5.00



57. Gối hơi & Bịt mắt

Comfort kit
หมอนรองคอ และผ้าปิดตา
充氣枕頭 + 眼罩
목베개 & 안대 세트
旅行用コンフォートキット



Tặng 01 Bag Tag Amy cho các hóa đơn mua quà lưu niệm trên 300.000 VND

Get 01 free Amy Luggage Tag for any receipt of Merchandise from 300,000 VND and above.

รับฟรี ป้ายติดกระเป๋า สำหรับใบยอดการซื้อของที่มีมูลค่า 300,000 VND ขึ้นไป
憑機上購物價值越南盾300,000以上的收據 · 可免費獲得一個行李掛牌
300,000동 이상의 상품구매시 라거지 태그 1개를 무료로 드립니다.
300,000 VND以上の商品をご購入頂けますと、「手荷物用タグ」1個差し上げます。



Không áp dụng chung các chương trình khuyến mãi!
Not applicable for combining other promotions

Kidset | Đồ trẻ em

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price

QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price



59. Móc khóa Máy bay kim loại kèm tag vải

Key chain

พวงกุญแจรูปเครื่องบินพร้อมป้าย

飛機版鑰匙圈

I LOVE VIETJET 열쇠고리

キーホルダー(航空機モデル+タグ付)

QN/DOM.: **70.000 VND**

QT/ITL.: **90.000 VND**

US\$ 4.50



60. Balo trẻ em

Kid's backpack

กระเป๋าเป้สะพายหลังสำหรับเด็ก

兒童後背包

어린이용 백팩

キッズ・バックパック

QN/DOM.: **250.000 VND**

QT/ITL.: **270.000 VND**

US\$ 13.50

61. Đồ bơi bé gái

Swimsuit for little girl

ชุดว่ายน้ำ

女兒童泳衣

여자어린이 수영복

小さな女の子用水着

QN/DOM.: **230.000 VND**

QT/ITL.: **250.000 VND**

US\$ 12.50



58. Móc khóa bông

Keychain (Teddy bear, Aircraft)

พวงกุญแจ (ตุ๊กตานมី, เครื่องบิน)

鑰匙圈

열쇠고리 (테디베어, 비행기)

キーホルダー(テディベア, 航空機の)

QN/DOM.: **60.000 VND**

QT/ITL.: **80.000 VND**

US\$ 4.00



64. Nón Phi công trẻ em (size 4-8)

Kid's pilot cap

หมวกนักบินเด็ก

兒童乘務帽子

어린이용 파일럿 모자

キッズ用機長帽子

QN/DOM.: **80.000 VND**

QT/ITL.: **100.000 VND**

US\$ 5.00



65. Áo thun trẻ em "Future Vietjet Pilot" (size 4,8)

"Future Vietjet Pilot" T-shirt

"Future Vietjet Pilot" เสื้อยืดสีขาว / แดง

兒童T恤白/紅 (尺寸4,8)

어린이용 파일럿 티셔츠(사이즈 4/8)

お子様用未来の夢、ベトジェット機長Tシャツ

QN/DOM.: **120.000 VND**

QT/ITL.: **140.000 VND**

US\$ 7.00



62. Bộ romper em bé (Phi công/Tiếp viên)

Baby Crew romper

ชุดลูกเรือสำหรับเด็กเล็ก

嬰兒機組制服

유아용 승무원 의상

ベビー用クルー・ロンパース

QN/DOM.: **170.000 VND**

QT/ITL.: **190.000 VND**

US\$ 9.50

66. Nón đi biển bé gái

Kid's beach hat

หมวกทะเลเด็กสาว

女孩海灘帽

어린이 해변용 모자

お子様用ビーチハット

QN/DOM.: **80.000 VND**

QT/ITL.: **100.000 VND**

US\$ 5.00



Kidset | Đồ trẻ em

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price

QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price



67. Gấu bông

Vietjet Teddy bear

ตุ๊กตาทมิเท็ดดี้เบียร์

毛絨泰迪熊

비엠텔 테디베어

ベトジェット・デディ・ベア

QN/DOM.: **150.000 VND**

QT/ITL.: **170.000 VND**

US\$ 8.50

68. Bộ đồ chơi Airport Set

QN/DOM.: **220.000 VND**

QT/ITL.: **250.000 VND**

US\$ 12.50

Airport Playset

ชุดของเล่นเครื่องบิน

迷你機場玩具組

공항놀이 장난감 세트

ミニチア空港セット

(お子様は勿論、航空ファンへのお土産に)



COMING SOON



69. Bộ 5 mặt nạ Hàn Quốc

Combo pack of 5 Korean facial masks

แผ่นมาสก์หน้าเกาหลี คอมโบแพค 5 ชิ้น

5片韓國面膜組合包

마스크 팩 콤보 (5개입 / 한국산)

韓國製フェイシャルマスクのコンボパック

QN/DOM.: **180.000 VND**

QT/ITL.: **200.000 VND**

US\$ 10.00

COMING SOON



70. Mặt nạ xông hơi mắt Nhật Bản

Steam Eye Mask

แผ่นมาสก์ตาแบบอุ่น

蒸汽热敷眼罩

스팀 아이 마스크

スチームアイマスク

QN/DOM.: **30.000 VND**

QT/ITL.: **50.000 VND**

US\$ 2.50

COMING SOON



71. Kem chống nắng (50ml)

Sunscreen

ครีมกันแดด

防曬乳

자외선 차단제

日焼け止め

QN/DOM.: **90.000 VND**

QT/ITL.: **120.000 VND**

US\$ 6.00

72. Túi đa năng

Travel kit bag

กระเป๋าใส่เครื่องสำอางค์

化粧包

여행 소품용 작은 가방 (파우치)

パニティバッグ

QN/DOM.: **120.000 VND**

QT/ITL.: **140.000 VND**

US\$ 7.00



Souvenir | Đồ lưu niệm

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price

QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price

73. Áo thun ●●

Polo T-shirt

เสื้อโปโล ชาย/หญิง

各種男/女T恤

폴로 티셔츠 (남색/ 빨강색)

ポロTシャツ

QN/DOM.: **200.000 VND**

QT/ITL.: **220.000 VND**

US\$ 11.00

75. Túi xách ●●

Cabin bag

กระเป๋าสะพาย

越捷手提袋紅/藍

기내용 가방

キャビンバック

QN/DOM.: **250.000 VND**

QT/ITL.: **270.000 VND**

US\$ 13.50

74. Nón ●●

Cap

หมวก (สีดำและแดง)

紅/黑越捷Logo帽

비엠텔 캡모자(검정색/곤색)

帽子

QN/DOM.: **65.000 VND**

QT/ITL.: **85.000 VND**

US\$ 4.25



76. Nón đi biển ●●

Beach hat

หมวกทะเลผู้ใหญ่

成人海灘帽

해변용 모자

ビーチハット

QN/DOM.: **140.000 VND**

QT/ITL.: **160.000 VND**

US\$ 8.00

77. Túi canvas đi biển ●○

Canvas Bag

กระเป๋ผ้า

帆布袋

캔버스 가방

キャンバス地/バッグ (厚手の丈夫なおしゃれ/バッグ)

QN/DOM.: **100.000 VND**

QT/ITL.: **120.000 VND**

US\$ 6.00



78. Dù ●●

Umbrella

ร่มสีแดง / ขาว

紅/白傘

우산 (빨강색/은색)

傘

QN/DOM.: **200.000 VND**

QT/ITL.: **220.000 VND**

US\$ 11.00

79. Ví du lịch ●●

Travel wallet

กระเป๋าท่องเที่ยว

旅行卡包

여행용 지갑

旅行用財布

QN/DOM.: **130.000 VND**

QT/ITL.: **150.000 VND**

US\$ 7.50



Souvenir | Đồ lưu niệm

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price

QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price

80. Mô hình máy bay

Aircraft Model

เครื่องบินจำลอง

模型飛機

비엠펙 항공기 모형

航空機モデル

Tỉ lệ/Scale: 1:200

QN/DOM.: **300.000 VND**

QT/ITL.: **320.000 VND**

US\$ 16.00



QN/DOM.: **200.000 VND**

QT/ITL.: **220.000 VND**

US\$ 11.00

81. Ổ cắm đa năng du lịch

Universal adapter

หัวแปลงปลั๊กไฟ

國際萬用插頭

멀티어댑터

ユニバーサル・アダプター



82. Bộ chăn tiện ích 3 trong 1

Comfort kit 3 in 1

ชุดหมอนและผ้าปิดตา

飛行睡眠包

여행 편의용품 세트

コンフォートキット (空の旅を快適に)

QN/DOM.: **250.000 VND**

QT/ITL.: **270.000 VND**

US\$ 13.50



Souvenir | Đồ lưu niệm

QN/DOM.: Giá Quốc nội/ Domestic price

QT/ITL.: Giá Quốc tế/ International price

QN/DOM.: **420.000 VND**

QT/ITL.: **440.000 VND**

US\$ 22.00

COMING
SOON



83. SIM 4G quốc tế

International 4G SIM card

ซิมการ์ดนานาชาติความเร็วสัญญาณ 4G

國際4G上網卡

국제용 4G 심카드

國際 4G SIMカード



84. SIM 4G Việt Nam

Vietnam 4G SIM card

ซิมการ์ดประเทศไทยความเร็วสัญญาณ 4G

(ใช้งานได้ทั้งโทรและอินเทอร์เน็ตเฉพาะในประเทศไทย)

越南4G上網卡

베트남 국내용 4G 심카드

ベトナム国内 4G SIMカード

QN/DOM.: **250.000 VND**

QT/ITL.: **270.000 VND**

US\$ 13.50

COMING
SOON

QUY ĐỊNH THANH TOÁN

Payment Terms & Conditions

เงื่อนไขและข้อกำหนด

付款條件與規定

결제방법 및 조건

お支払い方法、条件

Quy định thanh toán:

"Chỉ chấp nhận thanh toán bằng tiền giấy, không nhận thanh toán ngoại tệ trên chuyến bay Quốc nội. Đối với chuyến bay Quốc tế, các thanh toán được tính bằng tiền Việt Nam (VND), tiền Đô la Mỹ (USD) và mệnh giá tiền của Quốc gia đang đến hoặc khởi hành. Tiền trả lại có thể quy đổi bằng tiền Việt Nam (VND) có giá trị tương đương. Do phát sinh chi phí phục vụ trên chuyến bay Quốc tế nên giá bán hàng hóa trên các chuyến bay Quốc tế sẽ cao hơn giá bán trên chuyến bay Quốc nội tùy theo từng mặt hàng. Cảm ơn sự ủng hộ của quý khách".

Payment Terms & Conditions:

Cash only. Foreign currencies will not be accepted on domestic flights. On international flights: VND, USD or destination's or departure's local currency will be accepted. All change will be returned in equivalent VND. Due to some service-related costs for international flights, selling price might be higher than for domestic flights, depending on the items. Thanks for your support.

เงื่อนไขและข้อกำหนด: รับชำระเป็นธนบัตรเงินสดเท่านั้น (ไม่รับเหรียญ) สำหรับเที่ยวบินในประเทศเวียดนาม ทางสายการบินขอสงวนสิทธิ์ในการรับชำระแค่สกุลเงินดองเท่านั้น สำหรับเที่ยวบินต่างประเทศ ทางสายการบินรับชำระด้วยสกุลเงินดอง ดอลลาร์สหรัฐ และเงินสกุลของดินแดนและจุดหมายปลายทางของเที่ยวบินนั้น การทอนเงินจะได้อัตราผูกมัดให้ทอนเป็นสกุลเงินดองเวียดนามเท่านั้น. เนื่องจากอัตราค่าบริการในเส้นทางบินระหว่างประเทศ ดังนั้นราคาสินค้าในเส้นทางบินต่างประเทศจะสูงกว่าเส้นทางบินภายในประเทศ ขึ้นอยู่กับสินค้าแต่ละรายการ ขอบเขตที่ให้บริการ

付款條件與規定:

機艙內只收取現金（不收硬幣）。國內線航班機上不接受外國貨幣付款。國際航線航班上可接受越南盾、美元和出發地及目的地國家的當地貨幣。所有的找零將以等值的越南盾找回。由於國際航班服務的一些相關費用，銷售價格或許比國內航班更高，這取決於您購買的商品項目。感謝您的支持。

기내에서는 현금(동전 제외)으로만 결제가 가능하며 국내선 항공에서는 외국 화폐로 결제가 불가능합니다. 국제선 항공에서는 베트남 동(VND), 미국 달러(USD)와 출발지/도착지 국가의 현지 화폐로 결제가 가능합니다. 거스름 돈은 베트남 동(VND)으로만 계산해드리는 점 양해 부탁드립니다. 국제선에 부과되는 운항 서비스비용의 차이로인하여 국제선 판매가격이 품목에 따라 국내선 가격보다 다소 높을 수 있습니다. 양해 해주시서 감사합니다.

お支払い方法、条件: 現金のみ。国内線では外資通貨は取り扱いしておりません。国際線ではUSD、VNDと出発国の通貨でのお支払いが可能です。おつりはVNDのみとなります。国際線では、品目によって国内線よりも販売価格が高くなる場合があります。あらかじめご了承ください。ご協力ありがとうございます。

(*) Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

Pictures for illustration purposes only

ภาพใช้เพื่อประกอบการโฆษณาเท่านั้น

圖片僅供說明用途

실기 이미지는 실제와 다를 수 있습니다.

写真はイメージです。

(**) Uống rượu bia có thể gây ảnh hưởng tới sức khỏe thai nhi. Người dưới 18 tuổi không được uống rượu bia. Không lái xe sau khi uống rượu bia.